

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày: 31-07-2024

“V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỈNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Múth Sô Ny; ông Nguyễn Huy Cường.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký tòa án nhân dân thị xã Tỉnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tỉnh Biên tham gia phiên tòa:
bà Bùi Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty). Địa chỉ trụ sở: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố C.

Đại diện theo pháp luật: ông Trần Trung T, chức vụ: Giám đốc; nơi cư trú: ấp P, thị trấn T, huyện V, thành phố C.

- **Bị đơn:** bà Lê Thị D, sinh năm 1988; nơi cư trú: khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Trung T có mặt; bị đơn bà Lê Thị D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Trần Trung T trình bày:** Từ năm 2022 đến ngày 07/11/2023, Công ty có bán trứng vịt cho bà Lê Thị D, giữa các bên thoả thuận thanh toán theo từng đơn hàng, nhưng đến ngày 14/12/2023 bà D chưa thanh toán đầy đủ, nên giữa Công ty và bà D lập bản đối chiếu công nợ tổng là 394.682.000 đồng, cụ thể xác nhận:

+ Nợ cũ: 167.460.000 đồng;

+ Nợ cũ: 56.762.000 đồng;

+ Ngày 03/11/2023, số lượng 13.600 trứng, loại size 27 kg, đơn giá 2.500đ, thành tiền 34.000.000 đồng;

+ Ngày 03/11/2023, số lượng 12.000 trứng, loại size 26 kg, đơn giá 2.400đ, thành tiền 28.800.000 đồng;

+ Ngày 07/11/2023, số lượng 28.000 trứng, loại size 27 kg, đơn giá 2.550đ, thành tiền 71.400.000 đồng;

+ Ngày 07/11/2023, số lượng 14.800 trứng, loại size 26 kg, đơn giá 2.450đ, thành tiền 32.260.000 đồng;

Trong các ngày 03/11/2023, bà D đã thanh 40.000.000 đồng; ngày 10/11/2023 thanh toán 37.000.000 đồng và ngày 22/11/2023 thanh toán 20.000.000 đồng; tổng cộng 97.000.000 đồng.

Tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của Công ty xác định hiện nay bà D còn nợ tổng số tiền là 297.682.000 đồng (394.682.000 đồng – 97.000.000 đồng), yêu cầu bà D trả ngay số tiền 297.682.000 đồng và xin rút một phần yêu cầu không tính lãi suất chậm trả đối với bị đơn.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bị đơn bà Lê Thị D vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 440, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Xác minh về tình trạng cư trú của bà Lê Thị D theo xác nhận của Công an phường T ngày 25/6/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn bà Lê Thị D có nơi cư trú tại phường T, thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn bà Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử.

- Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về giao dịch dân

sự, đối tượng mua bán là trứng vịt, với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán hàng hoá theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu của nguyên đơn*

Từ năm 2022 đến ngày 07/11/2023, nguyên đơn là Công ty TNHH S Thịnh thoả thuận bán cho bị đơn bà Lê Thị D trứng vịt nhiều đợt, các bên thống nhất về đơn giá, số lượng, loại hàng. Theo đó, Công ty đã giao cho bà D tổng cộng 04 đợt hàng vào năm 2023 như sau: ngày 03/11/2023, số lượng 13.600 trứng vịt, loại size 27 kg, đơn giá 2.500đ, thành tiền 34.000.000 đồng và 12.000 trứng vịt, loại size 26 kg, đơn giá 2.400đ, thành tiền 28.800.000 đồng; tiếp theo vào ngày 07/11/2023, số lượng 28.000 trứng vịt, loại size 27 kg, đơn giá 2.550đ, thành tiền 71.400.000 đồng và 14.800 trứng vịt, loại size 26 kg, đơn giá 2.450đ, thành tiền 32.260.000 đồng. Đến ngày 14/12/2023 các bên lập văn bản đối chiếu công nợ (kể cả nợ cũ) bà D ký tên xác nhận, còn nợ tổng số tiền 297.682.000 đồng.

Theo xác nhận thông tin nơi cư trú ngày 25/6/2024 do Công an phường T cung cấp “*bà Lê Thị D có nơi cư trú tại khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang*”, từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử bà D vẫn có mặt tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà D đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày phản đối, đưa ra tài liệu khác chứng minh hoặc phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn về hợp đồng mua bán này.

Tại tài liệu do nguyên đơn cung cấp bản gốc văn bản thống nhất công nợ ghi ngày 14/12/2023, với tổng số tiền còn nợ 297.682.000 đồng do bà Lê Thị D ký tên xác nhận. Xét, về giao dịch này các bên có thể thực hiện bằng thoả thuận, không quy định bắt buộc về hình thức, việc giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, do đó có cơ sở xác định hợp đồng mua bán trứng vịt giữa Công ty TNHH S Thịnh với bà Lê Thị D là có thật.

Như vậy, theo ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì còn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại văn bản thống nhất công nợ ghi ngày 14/12/2023. Đây là chứng cứ khách quan, nên có cơ sở xác định bà D còn nợ tiền mua trứng vịt của nguyên đơn là 297.682.000 đồng, vì vậy bị đơn có trách nhiệm trả số tiền này là phù hợp.

[2.2] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu về tính lãi suất. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu là thuộc phạm vi khởi kiện, do đó đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này là phù hợp quy định pháp luật.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí được hoàn lại tiền tạm ứng án phí; bị đơn bà Lê Thị D phải chịu án phí theo mức có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357, 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 147, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S (do ông Trần Trung T là người đại diện theo pháp luật) đối với bị đơn bà Lê Thị D.

Buộc bà Lê Thị D phải trả cho Công ty TNHH S Thịnh số tiền mua bán trứng vịt là 297.682.000 đồng (*hai trăm, chín mươi bảy triệu, sáu trăm, tám mươi hai ngàn đồng*).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu tính lãi suất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị D phải chịu 14.884.000 đồng (*mười bốn triệu, tám trăm, tám mươi bốn ngàn đồng*) tiền án phí.

Công ty TNHH S T1 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 7.442.050 đồng (*bảy triệu, bốn trăm, bốn mươi hai ngàn, lẻ năm mươi đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0010799 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung một số điều; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS & VP (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ